

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-3-2023

V/v Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Duy Cường.

2. Bà Bùi Thị Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-DS ngày 15/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phạm C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.

ĐKNKTT: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh

Tạm trú: thôn T, xã T, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa có mặt anh C; vắng mặt chị T và bà Hoàng (Chị T và bà Hoàng đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2022 và bản tự khai đề ngày 12/01/2023 cũng như trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Phạm C trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Phạm C và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh ngày 07/10/2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường tại xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có thời gian tìm hiểu, mà chỉ qua mai mối nên khi về chung sống tính cách của 2 vợ chồng không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không có. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vì vậy đến tháng 12/2016 chị T đã đưa con về thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ở với ông bà ngoại. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh xin được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Anh C và chị T có 1 con chung là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 02/10/2015, hiện nay con đang ở với chị T. Nguyên vọng của anh C sau khi ly hôn anh nhường quyền nuôi con cho chị T và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

- Về tài sản và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T; Về con chung anh nhường quyền nuôi con cho chị T, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ; Về tài sản và nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 06/01/2023, bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phạm C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh ngày 07/10/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân: Do tính tình không hợp, trong cuộc sống anh C không quan tâm đến vợ con. Trong công việc anh luôn phụ thuộc vào gia đình bên nội, không quyết định được việc gì. Bản thân chị không có tiếng nói trong gia đình, từ đó vợ chồng luôn xảy ra bất đồng quan điểm, cuộc sống không được hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên tháng 10/2016 chị đưa con về thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ở với ông bà ngoại, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay anh C làm đơn ly hôn chị cũng đồng ý ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị T và anh C có 1 con chung là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 02/10/2015, hiện nay con đang ở với chị. Nguyên vọng của chị

sau khi ly hôn là được nuôi con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

- Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi chị T giao nộp bản tự khai cho Tòa án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C, chị T đến Tòa án để tổ chức phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, ngày 10/3/2023 Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương đến gia đình ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T2 tại thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (là bố mẹ đẻ chị T) để xác minh.

Tại biên bản xác minh, bà Trần Thị T2(mẹ đẻ chị T) trình bày: Chị Nguyễn Thị T là con gái của bà, mẹ con chị T đã về chung sống cùng gia đình bà từ năm 2016 đến nay. Hiện chị T đang làm công nhân công ty may có địa chỉ tại xã Minh Khôi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; sáng đi chiều về. Gia đình bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã trực tiếp giao cho chị T. Chị T có trao đổi với bà như sau: Về hôn nhân chị T không còn tình cảm với anh C nên chị đồng ý ly hôn và chị có nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt. Về con chung, chị T và anh C có 1 con chung là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 02/10/2015, hiện cháu đang ở với chị T cùng gia đình bà. Nguyện vọng của chị T xin được nuôi con, yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự. Việc thực hiện các thủ tục tố tụng như ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị T thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa anh C và chị T.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T và vắng mặt người bảo vệ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng, nhưng chị T và bà Hoàng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị T và bà Hoàng theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Phạm C được ly hôn chị Nguyễn Thị T. Về con chung, đề nghị giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Về tài sản và nợ chung, anh C và chị T không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên không xem xét. Miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh C.

** Tại phiên tòa vắng mặt bà Hoàng, tuy nhiên bà Hoàng có bài bảo vệ cho nguyên đơn gửi cho Tòa án và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cụ thể là:*

- Về hôn nhân: Anh C và chị T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị xử cho anh C được ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh C và chị T có 1 con chung là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 02/10/2015, hiện cháu đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng xin được nuôi con, cháu T1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Về phía anh C cũng đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Vì vậy đề nghị HĐXX giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con thành niên.

- Về tài sản và nợ chung: Anh C và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

- Về án phí: anh C là bệnh binh, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và anh C đã có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng cho anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Phạm C khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nhưng hiện tại đang tạm trú tại thôn T, xã T, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị T đến Tòa án để tiến hành phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T không có mặt vì vậy không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được, thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T và bà Hoàng là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho nguyên đơn nhưng chị T và bà Hoàng đều có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và bà Hoàng theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phạm C và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp. Trước khi kết hôn, anh chị chưa có nhiều thời gian tìm hiểu về nhau mà do mai mối dẫn đến khi về chung sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm, không có hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không tìm cách giải quyết mà mỗi người một nơi. Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng chị T không đến. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh C và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là kết hôn với nhau hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh C và chị T có 1 con chung là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 02/10/2015, hiện đang sống cùng chị T. Ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con, cháu T1 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, khi bố mẹ ly hôn. Về phía anh C đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Vì vậy, cần giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Phạm C và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Phạm C là bệnh binh nên được miễn án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Phạm C được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 02/10/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Phạm C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi

tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2023 đến khi con thành niên, phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Anh Nguyễn Phạm C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng cho Anh Nguyễn Phạm C.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt anh C, vắng mặt chị T. Anh C được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh